



Số: **014893**/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 00390.24



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : **CREAMER 9 LOẠI HẠT - VINAMILK**
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-CDGD-1
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 tuýp x 165 g
Ngày nhận mẫu : 05/01/2024
Người gửi mẫu : Trần Cao Dân
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Bông
Thời gian thử nghiệm : 05/01/2024-15/01/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	AOAC 966.23 (a) (d)	< 10	CFU/g

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
 - (d) Phép thử được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
 - Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 008678/VYTCC ban hành ngày 17/04/2024.
 - < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **03-07-2024**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN





Số: **0 1 4 8 9 4**/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 00391.24



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : CREAMER 9 LOẠI HẠT - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-CDCD-1
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 tuýp x 165 g
Ngày nhận mẫu : 05/01/2024
Người gửi mẫu : Trần Cao Dân
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Bông
Thời gian thử nghiệm : 05/01/2024-15/01/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Coliforms	AOAC 991.14, TCVN 9975:2013 (a) (d)	< 10	CFU/g

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
 - (d) Phép thử được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
 - Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 008679/VYTCC ban hành ngày 17/04/2024.
 - < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **03 -07- 2024**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh



Số: /VYTCC



014884

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03318.24

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : CREAMER 9 LOẠI HẠT - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-CDGD-1
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 tuýp x 165 g
Ngày nhận mẫu : 20/02/2024
Người gửi mẫu : Trần Cao Dân
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Bông
Thời gian thử nghiệm : 20/02/2024-27/02/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Escherichia coli	HD.PP.02-24/TT.VS (Ref. TCVN 9975:2013)	< 1	CFU/g

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín.
 - Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 008669/VYTCC ban hành ngày 17/04/2024.
 - < 1 CFU /g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03-07-2024...

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ps. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **014885** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03319.24

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : CREAMER 9 LOẠI HẠT - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-CDGD-1
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 tuýp x 165 g
Ngày nhận mẫu : 20/02/2024
Người gửi mẫu : Trần Cao Dân
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Bông
Thời gian thử nghiệm : 20/02/2024-27/02/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Streptococci faecal (Enterococci faecal)</i>	HD.PP.07-02/TT.VS (Ref. TCVN 6189-2:2009; ISO 7899-2:2000)	< 1	CFU/g

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín.
 - Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 008670/VYTCC ban hành ngày 17/04/2024.
 - < 1 CFU /g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **03 -07- 2024**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



★Ts Nguyễn Đức Thịnh



Số: **014886** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03320.24

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : **CREAMER 9 LOẠI HẠT - VINAMILK**
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-CDGD-1
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 tuýp x 165 g
Ngày nhận mẫu : 20/02/2024
Người gửi mẫu : Trần Cao Dân
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Băng
Thời gian thử nghiệm : 20/02/2024-27/02/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	HD.PP.08-02/TT.VS:2023 (Ref. TCVN 8881:2011; ISO 16266:2010)	< 1	CFU/g

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín.
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 008671/VYTCC ban hành ngày 17/04/2024
- < 1 CFU /g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **03 -07- 2024**
TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **0 1 4 8 8 7** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03321.24

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : CREAMER 9 LOẠI HẠT - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-CDGD-1
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 tuýp x 165 g
Ngày nhận mẫu : 20/02/2024
Người gửi mẫu : Trần Cao Dân
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Bông
Thời gian thử nghiệm : 20/02/2024-27/02/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	HD.PP.03-16/TT.VS (Ref. AOAC 975.55)	< 1	CFU/g

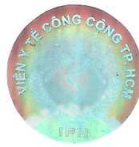
Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín.
 - Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 008672/VYTCC ban hành ngày 17/04/2024
 - < 1 CFU /g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **03 -07- 2024**
TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **0 1 4 8 8 8** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03322.24

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : CREAMER 9 LOẠI HẠT - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-CDGD-1
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 tuýp x 165 g
Ngày nhận mẫu : 20/02/2024
Người gửi mẫu : Trần Cao Dân
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Bông
Thời gian thử nghiệm : 20/02/2024-27/02/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Clostridium perfringens</i>	AOAC 976.30	< 1	CFU/g

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín.
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 008673/VYTCC ban hành ngày 17/04/2024.
- < 1 CFU /g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **03 -07- 2024**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **0 14900** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 00397.24



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : **CREAMER 9 LOẠI HẠT - VINAMILK**
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-CDCD-1
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 tuýp x 165 g
Ngày nhận mẫu : 05/01/2024
Người gửi mẫu : Trần Cao Dân
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Bông
Thời gian thử nghiệm : 05/01/2024-15/01/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Định lượng nấm men và nấm mốc	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (a) (d)	< 10	CFU/g

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
 - (d) Phép thử được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
 - Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 008685/VYTCC ban hành ngày 17/04/2024.
 - < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **03 -07- 2024**

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN





Số: **0 1 4 8 9 0**/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 00387.24



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : CREAMER 9 LOẠI HẠT - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-CDGD-1
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 tuýp x 165 g
Ngày nhận mẫu : 05/01/2024
Người gửi mẫu : Trần Cao Dân
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Bông
Thời gian thử nghiệm : 05/01/2024-15/01/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01	mg/kg

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (d) Phép thử được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 008675/VYTCC ban hành ngày 17/04/2024.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **03 -07- 2024**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh

KT3-01437ATP4/1-1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

04/07/2024
Trang 01/01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NÀY THAY THẾ PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ
KT3-01437ATP4/1-1 NGÀY 15/04/2024

- Tên mẫu : CREAMER 9 LOẠI HẠT - VINAMILK
KÝ HIỆU MẪU: V-CDCD-1
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu đựng trong tuýp nhựa.
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 06/03/2024
- Thời gian thử nghiệm : 07/03/2024 - 12/03/2024
- Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1. Hàm lượng cadimi, mg/kg	AOAC 2019 (2013.06)	$1,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện

Thay đổi thông tin sau theo yêu cầu của khách hàng qua công văn số 01/06/NCPT/24 ngày 26/06/2024:

Nội dung	Ban đầu	Thay đổi
Tên mẫu	CREAMER ĐẶC 9 LOẠI HẠT - VINAMILK	CREAMER 9 LOẠI HẠT - VINAMILK

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Ngô Quốc Việt

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Số: **014891** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 00388.24



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : CREAMER 9 LOẠI HẠT - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-CDCD-1
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 tuýp x 165 g
Ngày nhận mẫu : 05/01/2024
Người gửi mẫu : Trần Cao Dân
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Bông
Thời gian thử nghiệm : 05/01/2024-15/01/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Aflatoxin B1	HD.PP.04/TT.SK (HPLC-FLD) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,1	µg/kg

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
 - (d) Phép thử được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
 - Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 008676/VYTCC ban hành ngày 17/04/2024.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **03 -07- 2024**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **0 1 4 8 9 2** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 00389.24



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : CREAMER 9 LOẠI HẠT - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-CDCD-1
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 tuýp x 165 g
Ngày nhận mẫu : 05/01/2024
Người gửi mẫu : Trần Cao Dân
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Bông
Thời gian thử nghiệm : 05/01/2024-15/01/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Aflatoxin tổng (B1,B2,G1,G2)	HD.PP.04/TT.SK (HPLC-FLD) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,1	µg/kg

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
 - (d) Phép thử được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
 - Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 008677/VYTCC ban hành ngày 17/04/2024.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **03 -07- 2024**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Is. Nguyễn Đức Thịnh

KT3-01437ATP4/1-2/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

 04/07/2024
 Trang 01/01

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NÀY THAY THẾ PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ
 KT3-01437ATP4/1-2 NGÀY 15/04/2024**

- Tên mẫu : CREAMER 9 LOẠI HẠT - VINAMILK
KÝ HIỆU MẪU: V-CDCD-1
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu đựng trong tuýp nhựa.
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 06/03/2024
- Thời gian thử nghiệm : 07/03/2024 - 12/03/2024
- Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1. Hàm lượng ochratoxin A, µg/kg	QTTN/KT3 223:2018 (Ref: AOAC (2000.03))	0,3	Không phát hiện

Thay đổi thông tin sau theo yêu cầu của khách hàng qua công văn số 01/06/NCPT/24 ngày 26/06/2024:

Nội dung	Ban đầu	Thay đổi
Tên mẫu	CREAMER ĐẶC 9 LOẠI HẠT - VINAMILK	CREAMER 9 LOẠI HẠT - VINAMILK

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM


Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM


Ngô Quốc Việt

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2024-00017814
Mã số kết quả : AR-24-VD-020252-04-VI / EUVNHC-00254698



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số mẫu do khách hàng thiết lập : V-SDCD-3
Tên mẫu : Creamer 9 loại hạt - Vinamilk
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong hũ nhựa
Ngày nhận mẫu : 19/02/2024
Thời gian thử nghiệm : 19/02/2024 - 20/02/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 24/02/2024
Mã số PO của khách hàng : N6IK240219925

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD19F VD (a) Hydrogen phosphide (PH ₃)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5205 (Ref. Perz, Roland, et al. "Analysis of Phosphine in Dried Foodstuffs via Headspace-GC-MSD." Poster Session II: Topics: Development and Application of Analytical Methods-10th European Pesticide Residue Workshop (EPRW). 2014.)	Không phát hiện (LOD=0.003)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 02/07/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 02/07/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-24-VD-020252-03/743-2024-00017814, xuất ngày 28/06/2024; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)



Số: 014889 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 03323.24



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : CREAMER 9 LOẠI HẠT - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-CDGD-1
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 04 tuýp x 165 g
Ngày nhận mẫu : 20/02/2024
Người gửi mẫu : Trần Cao Dân
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Bông
Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả
Thời gian thử nghiệm : 20/02/2024-27/02/2024



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Parathion-methyl	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
2	Dithiocarbamate	HD.PP.168/TT.SK (GC-MS/MS) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01	mg/kg
3	Diquat	HD.PP.09/TT.SK (LC-MS/MS) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
4	Chlormequat	HD.PP.09/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01	mg/kg
5	Ethephon	HD.PP.112/TT.SK (LC-MS/MS) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01	mg/kg
6	Glyphosate	HD.PP.112/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,025	mg/kg
7	Azinphos-methyl	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,006	mg/kg
8	Captan	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
9	Chlordane	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/kg
10	Chlorpyrifos-ethyl (Chlorpyrifos)	HD.PP.134/TT.SK (GC-MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg

Mã số mẫu: 03323.24

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
11	Cyhalothrin (bao gồm Lambda-Cyhalothrin)	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
12	Cypermethrin (bao gồm alpha- và zeta-Cypermethrin)	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
13	Deltamethrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
14	Diazinon	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
15	Disulfoton	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
16	Fipronil	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
17	Lindan	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
18	Methyl bromide	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
19	Permethrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
20	Quintozone	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
21	Abamectin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
22	Aldicarb	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
23	Aminopyralid	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,006	mg/kg
24	Azoxystrobin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
25	Bentazone	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
26	Bitertanol	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
27	Boscalid	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,006	mg/kg
28	Buprofezin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
29	Carbendazim	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
30	Chlorothalonil	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,021	mg/kg
31	Clethodim	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,006	mg/kg
32	Cycloxydime	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,005	mg/kg
33	Cyproconazole	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
34	Cyprodinil	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,00012	mg/kg
35	Diflubenzuron	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
36	Dimethenamid-p	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg



Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
37	Dithianon	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
38	Fenamiphos	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
39	Fenbuconazole	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
40	Fenbutatin oxide	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,015	mg/kg
41	Fenhexamid	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0012	mg/kg
42	Fenpropimorph	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
43	Fludioxonil	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
44	Fluopyram	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,01	mg/kg
45	Flutriafol	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
46	Fluxapyroxad	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,005	mg/kg
47	Haloxyfop	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,01	mg/kg
48	Imazamox	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
49	Imazapic	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
50	Imidacloprid	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,006	mg/kg
51	Indoxacarb	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
52	Iprodione	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/kg
53	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
54	Mesotrione	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
55	Metalaxyl	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,006	mg/kg
56	Methidathion	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/kg
57	Methiocarb	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
58	Methomyl	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
59	Methoxyfenozide	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
60	Metrafenone	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
61	Oxamyl	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg

Mã số mẫu: 03323.24

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
62	Penthiopyrad	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,01	mg/kg
63	Phosalone	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,01	mg/kg
64	Propargite	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
65	Prothioconazole	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,001	mg/kg
66	Pyraclostrobin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
67	Pyrethrin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,015	mg/kg
68	Pyrimethanil	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
69	Tebuconazole	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
70	Tebufozide	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg
71	Trifloxystrobin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,006	mg/kg
72	Trinexapac-ethyl	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì kín.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (d) Phép thử được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 008674/VYTCC ban hành ngày 17/04/2024.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **03 -07- 2024**
TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh